

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 9 - 2025
V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Hựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Lạc.
- Ông Danh Văn Hoàng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: ông Nguyễn Thanh Khúc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Ấp S, xã V, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Ấp S, xã V, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2025 và tại phiên toà nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân: Có tự nguyện kết hôn với ông Nguyễn Văn N, có tổ chức lễ cưới, đến ngày 30/11/2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh). Thời gian đầu chung sống hòa thuận, đến giữa năm 2024 phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa.

Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong đời sống hàng ngày, sống không hợp nhau, do ông N luôn nghi ngờ bà H không chung thủy trong đời sống vợ chồng, nên bà H và ông N không còn quan hệ vợ chồng từ giữa năm

2024 cho đến nay. Bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Bà H khai, trong quá trình chung sống với ông N, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Ngọc M, sinh ngày 19/9/2008; giới tính: Nữ. Nay bà H giao con cho ông N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/7/2025 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Thừa nhận có kết hôn với bà H, đến ngày 30/11/2007 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có 01 con chung là Nguyễn Trần Ngọc M, sinh ngày 19/9/2008; giới tính: Nữ. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng chưa trầm trọng. Nay ông N không đồng ý ly hôn, vì ông vẫn còn tình cảm với vợ. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, thì ông N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản không yêu cầu giải quyết.

Bà Trần Thị H khởi kiện ông Nguyễn Văn N về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa.

+ Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử đều đúng quy định; của Thư ký phiên tòa đúng quy định; của nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- *Về hôn nhân:* Vợ chồng bà H, ông N có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Vợ chồng bà H, ông N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

Qua xác minh đã xác định được vợ chồng bà H và ông N cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông N nghi ngờ bà H không chung thủy. Mặc dù, ông N biết được việc ghen tuông của mình là sai, hứa sẽ sửa đổi; ông nhận thấy ông vẫn còn tình cảm và thương vợ con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Xét thấy việc ông N mong muốn đoàn tụ là nguyện vọng chính đáng, nhưng bà H kiên quyết ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu của bà N là có căn cứ xem xét theo khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ *Về con chung:* Xét thấy nguyện vọng của cháu Nguyễn Trần Ngọc M là chính đáng và bà H đồng ý giao cháu M cho ông N chăm sóc nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ *Về nợ chung, tài sản chung:* không yêu cầu nên không xem xét.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1, Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng thủ tục tố tụng và thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà H với ông N là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng. Bà H khai do đời sống chung không hợp nhau nên thường xảy ra mâu thuẫn làm mất đi tình nghĩa vợ chồng, vì ông N luôn nghi ngờ bà H không chung thủy trong đời sống vợ chồng, giữa bà H và ông N đã xảy ra mâu thuẫn từ giữa năm 2024 và ngày càng trầm trọng, đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ giữa năm 2024 cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H với ông N không còn khả năng đoàn tụ. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, bà H được ly hôn với ông N.

[3] Về con chung: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà H tự nguyện giao con Nguyễn Trần Ngọc M, sinh ngày 19/9/2008; giới tính: Nữ cho ông Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, ông N đồng ý. Đồng thời, cháu Nguyễn Trần Ngọc M cũng có nguyện vọng được sống với ông N. Do đó, việc giao con Nguyễn Trần Ngọc M cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp theo điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H, ông N không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung: Bà H, ông N không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025;

Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung:

Bà Trần Thị H có nghĩa vụ giao con Nguyễn Trần Ngọc M, sinh ngày 19/9/2008; Giới tính: Nữ cho ông Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Bà H không trực tiếp nuôi dưỡng con, nhưng bà H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản bà H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002334 ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng (nay là Phòng Thi hành án khu vực 9); bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh/ Khu vực 9;
- Thi hành án dân sự tỉnh;
- Phòng THA dân sự khu vực 9;
- Các đ/s;
- UBND xã Vĩnh Hưng;
- Lưu hồ sơ; lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hựu